

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ VÕ
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2017/HSST

NHÂN DANH

Ngày: 20/7/2017

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ TỈNH BẮC NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Sơn .

- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Luân.

2. Ông Tô Thành Công.

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Thứ- Thư ký Toà án nhân dân huyện Quế Võ- tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ- tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Võ- Bắc Ninh, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 128/2017/TLST –HS ngày 29/5/2017 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn D, sinh năm 1982.

HKTT, chỗ ở: Thôn M, xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ học vấn: 8/12;

Là con ông Trần Mạnh H và bà Nguyễn Thị L.

Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là thứ hai.

Vợ: Nguyễn Thị T Liễu, sinh năm 1983.

Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị tạm giữ từ ngày 19/3/2017 đến ngày 22/3/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Hoàng Văn Đ, sinh năm 1992.

HKTT: thôn N, xã Tân Thành, huyện Bắc Sơn, Lạng Sơn.

Chỗ ở: Thôn Đ, xã Nam Sơn, TP. Bắc Ninh, T. Bắc Ninh ?

Dân tộc: Nùng. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: 8/12;

Là con ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị Th.

Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là thứ ba. Vợ: Hoàng Thị H, sinh năm 1994. Con: Có 01 con sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị tạm giữ từ ngày 19/3/2017 đến ngày 22/3/2017 chuyển tạm giam cho đến nay, tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

3. Giáp Văn T, sinh năm 1987.

HKTT, chỗ ở: thôn M, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ học vấn: 12/12;

Là con ông Giáp Văn T và bà Nguyễn Thị H1.

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ hai. Vợ: Nguyễn Thị H2, sinh năm 1991. Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Chưa.

Nhân thân: Ngày 24/10/2007 bị công an Biên Hòa, Đồng Nai khởi tố về tội hiếp dâm. Ngày 12/11/2007 được đình chỉ điều tra vì người bị hại rút đơn.

Bị tạm giữ từ ngày 19/3/2017 đến ngày 22/3/2017 chuyển tạm giam cho đến nay, tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

4. Vũ Thế H, sinh năm 1991.

HKTT, chỗ ở: thôn T, xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ học vấn: 12/12;

Là con ông Vũ Văn T và bà Trần Thị M.

Gia đình có 03 chị em, bị cáo là thứ ba. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị tạm giữ từ ngày 19/3/2017 đến ngày 22/3/2017 chuyển tạm giam đến ngày 30/3/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt.

- **Nguyên đơn dân sự:** Công ty TNHH W Vina, địa chỉ : Lô F2, Khu công nghiệp Quế Võ, xã P, Quế Võ, Bắc Ninh. Đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Như N, chức vụ : Trưởng bộ phận Tổng vụ Nhân sự.

Xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan :

Chị Nguyễn Thị Hồng B, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Đông Yên, xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tỉnh Bắc Ninh truy tố về hành vi phạm tội nh- sau:

Khoảng đầu tháng 3/2017, bị cáo D là lái xe của công ty C trở hàng cho Công ty W Vina – KCN Quế Võ, cùng với bị cáo Đ, H là công nhân bộ phận kho P1 của Công ty W Vina ngồi ăn tối, uống rượu tại quán trâu ở thôn G, Phương Liễu, Quế Võ. Tại đây D hỏi Đ, H khi nào có điều kiện thì sẽ trộm cắp hạt nhựa PC dạng nghiền nhỏ dùng để sản xuất linh kiện, vỏ điện thoại trong kho P1 của Công ty W Vina mang ra ngoài bán lấy tiền chia nhau. Đ, H nhất trí. Khoảng 15h ngày 10/3/2017, bị cáo D gặp bị cáo T cũng là lái xe tải của công ty C tại phòng nghỉ dành cho lái xe của Công ty W Vina. D bảo T tối nay trực thì chở hàng ra, T hiểu ý là chở hàng trộm cắp mang đi bán và đồng ý. Khoảng 20h 30' ngày 10/3/2017 như đã thống nhất, T lái xe tải BKS: 29C- 654.45 đỗ tại cửa kho P1 thì Đ lấy 15 bao hạt nhựa PC dạng nghiền nhỏ màu đen và 15 bao hạt nhựa PC dạng nghiền nhỏ màu trắng, mỗi bao 20 kg cho lên Palet. Rồi H lái xe nâng nâng số bao hạt nhựa trên lên xe ô tô của T. Sau đó Đ gọi điện thoại báo cho D là hàng lên xe rồi và D gọi điện cho T nói “ Hàng ra”, T lên xe lợi dụng lúc bảo vệ cổng không để ý T lái xe ra ngoài. Số bao hạt nhựa này T đã chở đến nhà chị Nguyễn Thị Hồng B, sinh năm 1985 ở thôn Đ, Đông Phong, Yên Phong làm nghề thu mua phế liệu bán được 9.000.000đ. Việc bán cho chị B số hạt nhựa này D đã lấy số điện thoại của chị B từ trước và bảo T mang đến đây bán. Số tiền 9.000.000đ này T về đưa cho D. D chia cho T 2.000.000đ, D giữ lại 2.000.000đ và đưa cho Đ 5.000.000đ. Sáng ngày 11/3/2017 Đ chia cho H 2.500.000đ. Số hạt nhựa trên chị B bán cho người không quen biết được 11.200.000đ.

Cũng với phương thức thủ đoạn trên, khoảng 22h ngày 15/3/2017, D, T, Đ tiếp tục chiếm đoạt 30 bao hạt nhựa PC dạng nghiền nhỏ màu trắng có tổng trọng lượng là 600 kg của Công ty W Vina. Sau đó T lại chở đi bán cho chị B được 9.000.000đ. Số tiền này T lại về đưa cho D, D chia đều cho D, T, Đ mỗi người 3.000.000đ. Số hạt nhựa này ngày 16/3/2017 chị B bán cho anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1975 ở thôn C, Long Châu, Yên Phong làm nghề thu mua phế liệu được 20.000.000đ.

Cả hai lần bán hạt nhựa trên cho chị B bọn D, T đều không nói là hàng trộm cắp.

Ngày 19/3/2017 các bị cáo đã đến cơ quan CSĐT công an tỉnh Bắc Ninh đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội ở trên và giao nộp tổng số tiền bán hạt nhựa 18.000.000đ cho cơ quan điều tra.

Ngày 19/3/2017 và ngày 20/3/2017 chị B tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra tổng số tiền bán hạt nhựa được là 31.200.000đ.

Ngày 19/3/2017 anh P tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 600kg hạt nhựa PC đã mua của chị Bắc.

Tại kết luận định giá số 326 ngày 31/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của tỉnh Bắc Ninh kết luận: 900 kg nhựa PC mã hàng LPC1003 dạng nghiền nhỏ có giá trị: 78.975.000đ và 300kg nhựa ABS mã hàng PA757(màu đen) dạng nghiền nhỏ có giá trị: 16.537.500đ.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 18/4/2017 D tự nguyện nộp số tiền 22.862.500đ (trong đó của H là 11.500.000đ), chị Hoàng Thị H là vợ Đ nộp 10.000.000đ, chị Nguyễn Thị H1 vợ T nộp 10.000.000đ cho cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả bồi thường cho Công ty W Vina. Ngày 03/4/2017 và 19/4/2017 cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty W Vina số tiền 42.862.500đ và 600kg hạt nhựa PC dạng nghiền nhỏ màu trắng. Công ty W Vina không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì nữa và đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Cơ quan điều tra cũng trả lại cho anh P số tiền 20.000.000đ, trả lại cho chị B số tiền 18.000.000đ.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại bản cáo trạng số 44/Ctr- VKS- P3 ngày 26/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố bị các bị cáo D, Đ, T về tội: “ Trộm cắp tài sản ” theo Điểm e, Khoản 2, Điều 138 – BLHS. Truy tố bị cáo Hanh về tội: “ Trộm cắp tài sản ” theo Khoản 1, Điều 138 – BLHS.

Tại phiên toà, sau khi xét hỏi và tranh luận, đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, phân tích tính chất mức độ, nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo, xác định các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng đối với các bị cáo. Khẳng định cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ pháp luật. Đề nghị HĐXX Tuyên bố các bị cáo phạm tội: “ Trộm cắp tài sản”. Áp dụng Điểm e, Khoản 2, Điều 138; Điểm b, p- Khoản 1- Điều 46; Khoản 2, Điều 46; Điểm g, Khoản 1, Điều 48; Điều 47; Điều 33- BLHS đối với các bị cáo D, T, Đ. Đề nghị xử phạt bị cáo D, T mỗi bị cáo từ 16 tháng đến 20 tháng tù. Xử phạt bị cáo Đ từ 14 tháng đến 18 tháng tù. Được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam. Áp dụng Khoản 1 - Điều 138; Điểm b, h, p- Khoản 1- Điều 46; Khoản 2, Điều 46; Điều 60- BLHS đối với bị cáo H. Đề nghị xử phạt bị cáo H từ 10 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và phải chịu thời gian thử thách từ 20 tháng đến 24 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Áp dụng DD41- BLHS, Điều 76- BLTTHS, tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 11.200.000đ của chị Bắc nộp, đây là tiền do phạm tội mà có.

Các bị cáo không có ý kiến gì tranh luận và bào chữa. Lời nói sau cùng các bị cáo đã nhận thức đ- ợc hành vi phạm tội của mình, các bị cáo rất ăn năn hối hận. Nên xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất cho các bị

cáo, để các bị cáo sớm được trở về gia đình và xã hội, nuôi dạy con cái. Bị cáo Hanh xin được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ- ọc thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và đã đ- ọc thẩm tra xác minh công khai tại phiên toà. Nh- biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của nguyên đơn dân sự, của ng- ời liên quan, tang vật vụ án, kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của tỉnh Bắc Ninh. Tất cả những chứng cứ trên đã chứng minh đ- ọc:

Khoảng 20h ngày 10/3/2017, lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của Công ty TNHH W Vina tại Lô F2, Khu công nghiệp Quế Võ thuộc địa bàn xã P, Quế Võ, Bắc Ninh. Bị cáo D, T, Đ, H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 300kg hạt nhựa PC dạng nghiền nhỏ màu đen và 300kg hạt nhựa PC dạng nghiền nhỏ màu trắng trị giá 42.862.500đ của Công ty TNHH W. Khoảng 22h00 ngày 15/3/2017, D, T, Đ lại tiếp tục lén lút chiếm đoạt 600kg hạt nhựa PC dạng nghiền nhỏ màu trắng trị giá 52.650.000đ của Công ty TNHH W Vina. Trị giá tài sản D, T, Đ chiếm đoạt hai lần là 95.512.500đ. Trị giá tài sản H cùng đồng phạm chiếm đoạt một lần là 42.862.500đ.

Do đó đã có đủ các yếu tố để kết luận các bị cáo D, T, Đ phạm tội “ Trộm cắp tài sản” theo Điểm e, Khoản 2, Điều 138- BLHS. Bị cáo H phạm tội “ Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1, Điều 138- BLHS. Nh- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố là đúng ng- ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Tính chất phạm tội của các bị cáo D, T, Đ là nghiêm trọng. Của bị cáo H là ít nghiêm trọng. Song nó còn gây mất trật tự trị an xã hội, ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn, nhất là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Về hậu quả, sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp toàn bộ số tiền bán hạt nhựa cho cơ quan điều tra. Các bị cáo đã tự nguyện và tác động gia đình tự nguyện nộp tiền để bồi thường hết thiệt hại cho Công ty TNHH W. Chị B cũng tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra tổng số tiền bán hạt nhựa được. Anh P cũng tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 600kg hạt nhựa PC đã mua của chị B. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty W Vina số tiền 42.862.500đ mà các bị cáo và gia đình nộp để bồi thường và 600kg hạt nhựa PC dạng nghiền nhỏ màu trắng. Cơ quan điều tra cũng

trả lại cho anh P số tiền 20.000.000đ, trả lại cho chị B số tiền 18.000.000đ. Công ty TNHH W không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì nữa và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Như vậy hậu quả của tội phạm đã được khắc phục toàn bộ.

Xét về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Sau khi phạm tội, các bị cáo đã đến Công an để đầu thú. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo đã tự nguyện, tác động gia đình bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả. Nên các bị cáo đều được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b, p - Khoản 1- Điều 46 và áp dụng Khoản 2, Điều 46- BLHS. Bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên còn được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ nữa theo Điểm h, Khoản 1, Điều 46- BLHS. Bị cáo Đ là người dân tộc Nùng, đây cũng là tình tiết xem xét có lợi cho bị cáo khi lượng hình. Các bị cáo D, T, Đ đã thực hiện hoàn thành hai lần trộm cắp tài sản, nên đều phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần theo Điểm g, Khoản 1, Điều 48- BLHS. Bị cáo H không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Về nhân thân bị cáo T ngày 24/10/2007 bị công an Biên Hòa, Đồng Nai khởi tố về tội hiếp dâm. Ngày 12/11/2007 được đình chỉ điều tra vì người bị hại rút đơn. Các bị cáo khác chưa bị xử lý vi phạm pháp luật gì.

Đây là một vụ án đồng phạm, nhưng xét các bị cáo cấu kết với nhau không chặt chẽ, nên chỉ là đồng phạm giản đơn, không phải là có tổ chức. Trong đó vai trò của bị cáo D là người khởi xướng, rủ rê lôi kéo các bị cáo khác, tham gia dần tiếp vào việc thực hành phạm tội. Đồng thời D là người đã liên hệ trước chỗ tiêu thụ tài sản trộm cắp, sau khi bán được hàng trộm cắp, Thiết điều về đưa cho D để D chia cho các bị cáo. Bị cáo T, Đ, H là người trực tiếp thực hành tội phạm. Đ lấy các bao hạt nhựa để H đưa lên xe ô tô cho bị cáo T chở đi tiêu thụ. Do đó bị cáo D phải chịu trách nhiệm cao nhất, sau đó đến các bị cáo T, Đ, H.

Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự bằng một hình phạt tù nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, hậu quả tội phạm mà bị cáo gây ra cho xã hội. Xét phải cách ly các bị cáo D, T, Đ một thời gian nhất định, đủ để trừng trị và giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung tội phạm. Xét các bị cáo D, Đ, T sau khi trừ đi một tình tiết tăng nặng, còn có hai tình tiết giảm nhẹ ở Khoản 1- Điều 46 – BLHS, nên áp dụng Điều 47- BLHS cho các bị cáo này được hưởng một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Cần tiếp tục tạm giam các bị cáo Đ, T để đảm bảo thi hành án. Đối với bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở Khoản 1, Điều 46- BLHS, có nhân thân tốt, nên không cần thiết phải cách ly, mà cho bị cáo được hưởng án treo và phải chịu thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, vì các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương.

Về trách nhiệm dân sự: Không ai yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì nữa, nên HĐXX không đặt ra giải quyết. Đối với số tiền 11.200.000đ chị B nộp lại cho cơ quan điều tra, đây là tiền do chị B bán tài sản các bị cáo trộm cắp mà có, tức là tiền do phạm tội mà có, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo phải chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố các bị cáo Trần Văn D, Hoàng Văn Đ, Giáp Văn T, Vũ Thế H phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Điểm e, Khoản 2- Điều 138; Điểm b, p - Khoản 1- Điều 46; Khoản 2- Điều 46; Điểm g- Khoản 1- Điều 48; Điều 47; Điều 33- BLHS:

Xử phạt Trần Văn D 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 19/3/2017 đến ngày 22/3/2017.

Xử phạt Giáp Văn T 16 (Mười sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ từ ngày 19/3/2017. Áp dụng Điều 228- BLTTHS: Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt Hoàng Văn Đ 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ từ ngày 19/3/2017. Áp dụng Điều 228- BLTTHS: Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng Khoản 1- Điều 138; Điểm b, h, p - Khoản 1- Điều 46; Khoản 2- Điều 46; ; Điều 60- BLHS; : Xử phạt Vũ Thế H 10 (Mười) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và phải chịu thời gian thách là 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hanh cho UBND xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng Khoản 1, Điều 41- BLHS; Điều 76- BLTTDS: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 11.200.000đ của chị Nguyễn Thị Hồng B do bán tài sản các bị cáo trộm cắp mà có.

- Áp dụng Điều 99 - BLTTHS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án : Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

- Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; Sở TP.
- VKSND tỉnh, huyện.
- Thi hành án; Công an.
- Bị cáo;
- L- u hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Hân Nguyễn Thế Sách

Hoàng Ngọc Sơn